



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2015

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận**

**Đăng ký doanh nghiệp số** 0100100008

Ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 29 tháng 1 năm 2015. Các Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản Trị**

Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên
Ông Lê Đình Ngọc	Ủy viên
Ông Don Di Lam	Ủy viên

**Cơ Quan Tổng Giám đốc**

Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Phô	Phó Tổng Giám đốc ( <i>đến ngày 4/2/2015</i> )
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Nguyên Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc ( <i>từ ngày 5/2/2015</i> )
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Giám đốc Điều hành ( <i>đến ngày 4/2/2015</i> )
Ông Uông Tiến Thịnh	Giám đốc Điều hành
Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
Ông Lê Mạc Thuần	Giám đốc Điều hành
Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành

**Trụ sở đăng ký**

25 Phố Bà Triệu  
Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 77 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc

Lê Tiên Trường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2015



## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 77. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú, một công ty liên kết của Tập đoàn, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 152 tỷ VND trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty TNHH Coats Phong Phú là 78 tỷ VND, đang được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày. Chúng tôi không được tiếp cận với các chứng từ và sổ sách kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú nên không thể thực hiện được các thủ tục soát xét thích hợp về giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH Coats Phong Phú. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng có thể có của vấn đề đã mô tả ở đoạn trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.



## Vấn đề lưu ý

Chúng tôi không đưa ra thêm kết luận ngoại trừ, nhưng lưu ý người đọc tới Thuyết minh 1(d) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tập đoàn Dệt May Việt Nam trở thành công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 1 năm 2015. Tuy nhiên, theo Công văn số 2917/BCT-TC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Công thương về việc quyết toán cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bộ Công thương đã chấp thuận cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam chọn ngày 1 tháng 1 năm 2015 là thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Do vậy, kỳ kế toán đầu tiên sau khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã áp dụng các nguyên tắc phù hợp với quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này như được nêu cụ thể tại Thuyết minh 1(d).

Đồng thời, chúng tôi cũng muốn lưu ý người đọc về số liệu so sánh được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh có liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 là số liệu được kế thừa của Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam, do Tập đoàn Dệt May Việt Nam cung cấp và chưa được soát xét.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy chứng nhận đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 15-02-149-b



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Tâm Anh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0651-2013-007-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2015

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>9.696.828.578.640</b>	<b>9.581.022.672.105</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>7</b>	<b>3.089.343.650.079</b>	<b>2.544.719.495.496</b>
Tiền	111		657.298.414.004	459.464.385.556
Các khoản tương đương tiền	112		2.432.045.236.075	2.085.255.109.940
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>482.753.710.505</b>	<b>448.682.799.237</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	8(a)	21.066.493.789	31.668.726.240
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	8(a)	-	(2.383.093.720)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(b)	461.687.216.716	419.397.166.717
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.797.602.328.033</b>	<b>3.355.562.201.003</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	1.998.594.377.053	2.230.217.513.550
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		535.721.979.147	419.430.451.176
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	173.321.793.000	349.825.813.560
Phải thu ngắn hạn khác	136	11(a)	400.050.686.676	549.984.042.730
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(311.509.047.483)	(193.895.620.013)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.422.539.640	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>13</b>	<b>2.895.242.339.711</b>	<b>2.849.137.288.402</b>
Hàng tồn kho	141		2.937.060.663.975	2.903.242.583.776
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(41.818.324.264)	(54.105.295.374)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>431.886.550.312</b>	<b>382.920.887.967</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	19(a)	19.420.486.406	21.148.598.948
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		283.762.411.163	230.945.472.305
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	23(a)	17.782.942.593	30.648.915.861
Tài sản ngắn hạn khác	155		110.920.710.150	100.177.900.853

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>8.694.095.915.582</b>	<b>8.197.423.862.327</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>520.075.739.509</b>	<b>504.566.658.594</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	10	8.471.428.330	-
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	511.604.311.179	504.566.658.594
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.436.533.288.862</b>	<b>4.649.734.037.823</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	4.245.774.072.722	4.447.696.407.185
<i>Nguyên giá</i>	222		8.988.724.224.683	9.081.997.845.428
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4.742.950.151.961)	(4.634.301.438.243)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	15	67.214.213.339	50.939.056.442
<i>Nguyên giá</i>	225		77.421.792.816	57.831.747.820
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(10.207.579.477)	(6.892.691.378)
Tài sản cố định vô hình	227	16	123.545.002.801	151.098.574.196
<i>Nguyên giá</i>	228		145.515.291.233	173.183.263.553
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(21.970.288.432)	(22.084.689.357)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	17	<b>48.668.161.536</b>	<b>49.646.504.419</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		72.027.858.343	72.027.858.343
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(23.359.696.807)	(22.381.353.924)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.429.413.526.792</b>	<b>576.625.489.809</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	1.429.413.526.792	576.625.489.809
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.849.089.199.101</b>	<b>1.867.115.749.787</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	8(c)	1.456.718.012.456	1.445.859.591.447
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	8(c)	443.552.699.927	467.922.004.855
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	8(c)	(52.989.513.282)	(51.585.210.515)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	8(b)	1.808.000.000	4.919.364.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>410.315.999.782</b>	<b>549.735.421.895</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	19(b)	370.078.358.103	461.739.439.935
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	8.009.082.097	23.607.355.487
Tài sản dài hạn khác	268		1.522.018.702	34.463.839.735
Lợi thế thương mại	269	21	30.706.540.880	29.924.786.738
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>18.390.924.494.222</b>	<b>17.778.446.534.432</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>11.355.018.163.479</b>	<b>10.822.241.063.678</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.035.224.360.563</b>	<b>7.246.262.376.703</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	1.178.445.775.776	1.331.463.029.833
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		118.326.165.530	56.575.343.418
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23(b)	106.430.603.308	97.169.983.153
Phải trả người lao động	314		337.213.635.962	499.716.279.125
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24	208.974.286.958	211.504.636.856
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	25(a)	21.493.370.269	9.495.875.465
Phải trả ngắn hạn khác	319	26(a)	649.716.406.666	1.008.103.272.878
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	27(a)	4.268.646.738.508	3.901.269.718.972
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	28	7.188.747.396	1.063.781.893
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	29	138.788.630.190	129.900.455.110
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.319.793.802.916</b>	<b>3.575.978.686.975</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	22	24.665.284.812	28.388.184.613
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		13.014.000.000	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	25(b)	65.082.332.093	74.452.964.030
Phải trả dài hạn khác	337	26(b)	191.425.602.622	85.861.992.751
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	27(b)	3.867.523.247.624	3.240.084.045.057
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	20	38.347.314.812	26.250.970.855
Dự phòng phải trả dài hạn	342	28	118.102.596.909	119.291.005.625
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.633.424.044	1.649.524.044

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>30</b>	<b>7.035.906.330.743</b>	<b>6.956.205.470.754</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>6.994.160.844.063</b>	<b>6.913.079.560.721</b>
Vốn cổ phần	411	31	5.000.000.000.000	4.299.595.911.499
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	4.299.595.911.499
Vốn khác của chủ sở hữu	414		74.759.270.752	770.234.193.045
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(370.241.839.267)	(384.521.527.365)
Quỹ đầu tư phát triển	418	32	420.751.646.051	388.519.949.500
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		11.041.778.421	10.735.145.017
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		324.349.642.245	212.848.004.910
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		149.719.480.848	82.978.947.395
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		174.630.161.397	129.869.057.515
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		2.760.607.380	2.760.607.380
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.530.739.738.481	1.612.907.276.735
<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>41.745.486.680</b>	<b>43.125.910.033</b>
Nguồn kinh phí	431		41.745.486.680	43.069.143.542
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	56.766.491
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>18.390.924.494.222</b>	<b>17.778.446.534.432</b>

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Đặng Thị Hải  
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 02a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	34	7.212.891.922.165	5.373.904.271.524
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	34	10.901.005.462	8.600.071.565
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>34</b>	<b>7.201.990.916.703</b>	<b>5.365.304.199.959</b>
Giá vốn hàng bán	11	35	6.302.075.500.851	4.697.348.182.905
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>899.915.415.852</b>	<b>667.956.017.054</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	36	243.577.425.310	67.362.263.333
Chi phí tài chính	22	37	304.639.588.025	142.902.119.621
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		167.874.041.685	115.212.027.642
Phần lãi trong công ty liên kết	24		227.745.141.193	141.981.344.957
Chi phí bán hàng	25	38	303.146.529.788	289.621.027.110
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	39	478.111.563.302	392.013.350.731
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>285.340.301.240</b>	<b>52.763.127.882</b>
Thu nhập khác	31	40	46.386.025.835	211.168.270.573
Chi phí khác	32	41	38.759.451.168	11.364.010.071
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>7.626.574.667</b>	<b>199.804.260.502</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>292.966.875.907</b>	<b>252.567.388.384</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	43	36.376.037.757	19.798.013.890
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	43	27.694.617.347	41.600.608.066
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>228.896.220.803</b>	<b>191.168.766.428</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>228.896.220.803</b>	<b>191.168.766.428</b>
<b>Phân bổ:</b>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		174.630.161.397	158.894.899.527
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		54.266.059.406	32.273.866.901
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	44	349	(*)

(\*): Lãi cơ bản trên cổ phiếu không được tính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 do giai đoạn đó thuộc về Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Người lập:

Người duyệt:



Đặng Thị Hải  
Chuyên viên Kế toán



Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>292.966.875.907</b>	<b>252.567.388.384</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		284.116.109.085	183.011.214.882
Các khoản dự phòng	03		132.317.484.214	105.218.591.116
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		41.381.710.661	2.356.939.191
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(390.052.244.214)	(191.489.401.624)
Chi phí lãi vay	06		167.874.041.685	115.212.027.642
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ do hợp nhất các công ty con mới trong kỳ	07		-	(64.078.039.811)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>528.603.977.338</b>	<b>402.798.719.780</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(140.325.225.058)	389.257.632.571
Biến động hàng tồn kho	10		(248.144.690.463)	(32.304.166.105)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(21.280.766.000)	(934.794.922.948)
Biến động chi phí trả trước	12		(23.994.094.531)	18.123.895.196
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		10.602.232.451	-
			<b>105.461.433.737</b>	<b>(156.918.841.506)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(146.273.090.088)	(51.976.227.285)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(27.246.152.490)	(19.735.025.858)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		100.404.001.471	14.571.539.247
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(342.292.474.878)	(27.581.129.184)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(309.946.282.248)</b>	<b>(241.639.684.586)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(771.848.049.246)	(391.196.137.489)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		9.759.994.081	970.808.147
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(463.779.207.775)	(206.131.249.999)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		175.611.432.559	403.347.338.548
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(34.210.196.770)	(11.814.537.170)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		58.937.432.528	241.472.195.801
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		338.039.675.159	140.208.106.918
Ảnh hưởng thuần của việc thanh lý công ty con và hợp nhất công ty con mới trong năm		6	445.908.445.158	40.911.050.822
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(241.580.474.306)</b>	<b>217.767.575.578</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		25.851.656.100	24.741.098.438
Tiền thu từ đi vay	33		9.936.744.853.520	2.839.617.647.211
Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.790.955.734.328)	(2.496.605.572.711)
Tiền trả cổ tức	36		(75.489.864.155)	(45.689.170)
Lợi nhuận nộp Ngân sách Nhà nước	36		-	(112.831.135.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.096.150.911.137</b>	<b>254.876.348.768</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		544.624.154.583	231.004.239.760
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	7	2.544.719.495.496	1.299.241.621.383
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	7	3.089.343.650.079	1.530.245.861.143

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Người lập:

Đặng Thị Hải  
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:

Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởng



Lê Tiên Trường  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức là một công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC – TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

### **(b) Hoạt động chính**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn Nhà nước trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn được Chính phủ Việt Nam giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam với các hoạt động chính như sau:

#### **1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:**

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
  - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
  - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịchữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
  - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
  - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị: kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
  - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
  - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam trở thành công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 1 năm 2015, tuy nhiên, theo Công văn số 2917/BCT-TC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Công thương về việc quyết toán cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bộ Công thương đã chấp thuận cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam chọn ngày 31 tháng 12 năm 2014 là thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Do vậy, kỳ kế toán đầu tiên sau khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”) và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã áp dụng các nguyên tắc sau trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

- Đối với bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh có liên quan, toàn bộ số dư tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu kế thừa của công ty nhà nước trước khi chuyển đổi được ghi nhận là số dư đầu kỳ của công ty cổ phần và được trình bày trong cột số đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2015; và
- Đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh có liên quan, cột kỳ này trình bày số liệu kể từ thời điểm chuyển đổi ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến cuối kỳ báo cáo giữa niên độ đầu tiên, ngày 30 tháng 6 năm 2015. Theo quy định của Thông tư 200, cột kỳ trước trình bày số liệu lũy kế kể từ đầu năm báo cáo đến thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu. Tuy nhiên, do thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu trùng với ngày đầu kỳ của kỳ kế toán đầu tiên, để đảm bảo nguyên tắc có thể so sánh và nhất quán, số liệu so sánh được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh có liên quan là số liệu của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014. Số liệu so sánh này chưa được soát xét.

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### (e) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn có 59 công ty con và 36 công ty liên kết (1/1/2015: 59 công ty con và 40 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị	Tham chiếu
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	17	Xem phụ lục 1
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	42	Xem phụ lục 2
	59	
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.	35	Xem phụ lục 3
Các công ty liên kết của Tập đoàn không được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất do không trọng yếu	1	Xem phụ lục 4
	95	

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn có 36.613 nhân viên (1/1/2015: 35.868 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Ngoài ra, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp. Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Cơ sở hợp nhất (thuyết minh số 4(a));
- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh số 4(b)); và
- Lợi thế thương mại (thuyết minh số 4(m)).

### **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

**(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

**(vi) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Ngoại tệ**

***Các giao dịch bằng ngoại tệ***

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tập đoàn gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với vàng tiền tệ: dùng giá mua vàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hoặc trong trường hợp không có giá mua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì áp dụng giá mua vàng của đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(d) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### **(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

##### **(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(f) Hàng tồn kho**

##### **(i) Sản phẩm và hàng hóa**

Sản phẩm và hàng hóa được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(ii) Hàng hóa bất động sản**

Hàng hóa bất động sản bao gồm tài sản trên đất và quyền sử dụng đất được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản và chi phí phát sinh liên quan đến việc nắm giữ quyền sử dụng đất.

#### **(g) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyên	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 10 năm

#### **(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 4(g).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 8 năm.

**(j) Bất động sản đầu tư**

**(i) Bất động sản đầu tư cho thuê**

*Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

*Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 10 – 50 năm



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và có thời hạn không xác định, được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tồn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

**(k) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(l) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**(iii) Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước**

Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

**(iv) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Lợi thế kinh doanh**

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và một số công ty con do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất không quá 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu).

**(vi) Phụ tùng thay thế**

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong vòng từ 2 đến 5 năm.

**(vii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(viii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(m) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Tập đoàn xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lợi thế thương mại trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 200, lợi thế thương mại trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết không được tiếp tục phân bổ nữa.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Sự thay đổi chính sách kế toán này không có ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận thuần cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**(n) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(p) Trái phiếu phát hành**

***Trái phiếu thường***

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành.

**(q) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(r) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(s) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(v) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(vi) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(vii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

#### **(u) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

#### **(v) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

#### **(w) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

#### **(x) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông là các tổ chức, các công ty liên kết của Tập đoàn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Báo cáo bộ phận**

**Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác; và
- Kinh doanh tài chính: hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác.

**Tập đoàn Điện Máy Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may		Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại		Kinh doanh bất chính		Các hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Chưa soát xét		Chưa soát xét		Chưa soát xét		Chưa soát xét		Chưa soát xét		Chưa soát xét	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	6.166.527.937.496	4.100.904.235.805	726.217.296.274	1.058.778.979.808	-	13.338.476.938	309.245.682.933	192.292.507.408	-	-	7.201.990.916.703	5.365.304.199.959
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.299.719.780.931	540.350.873.304	108.938.717.439	121.248.927.124	-	12.097.496.052	47.260.147.197	57.738.420.351	(1.455.918.645.567)	(732.035.716.831)	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	7.466.247.718.427	4.641.255.109.109	835.156.013.713	1.180.027.906.932	-	26.025.972.990	356.505.830.130	250.030.927.759	(1.455.918.645.567)	(732.035.716.831)	7.201.990.916.703	5.365.304.199.959
Phần lãi trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	227.745.141.193	141.981.344.957	227.745.141.193	141.981.344.957
Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	267.648.149.862	96.577.553.928	(36.529.799.331)	(50.023.349.932)	-	17.413.231.280	(6.608.747.395)	(8.819.416.930)	60.830.698.104	(2.384.910.464)	285.340.301.240	52.763.127.882
Thu nhập khác	60.817.807.705	16.313.994.677	3.188.220.995	7.282.395.696	-	1.331.457.095	780.797.792	313.833.663	(18.400.800.657)	185.926.389.442	46.386.025.835	211.168.270.573
Chi phí khác	(53.965.639.167)	(9.359.931.768)	(1.627.211.188)	(2.225.696.076)	-	(151.298.252)	(199.428.691)	(181.042.864)	17.032.827.878	553.958.839	(38.759.451.168)	(11.364.010.071)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(34.356.834.188)	(18.142.274.960)	(690.130.479)	(487.230.198)	-	-	(1.419.073.090)	(1.168.508.732)	-	-	(36.376.037.757)	(19.798.013.890)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(33.187.646)	-	-	-	-	-	-	-	(27.661.429.701)	(41.600.608.066)	(27.694.617.347)	(41.600.608.066)
Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế	240.110.296.566	85.389.341.877	(35.568.920.003)	(45.453.680.460)	-	18.592.410.123	(7.446.451.384)	(9.855.134.863)	31.801.295.624	142.494.829.751	228.896.220.803	191.168.766.428



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may		Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại		Kinh doanh tài chính		Các hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	30/6/2015	1/1/2015	30/6/2015	1/1/2015	30/6/2015	1/1/2015	30/6/2015	1/1/2015	30/6/2015	1/1/2015	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản của bộ phận	18.172.988.473.272	17.122.970.559.602	699.554.611.847	1.457.262.950.202	-	687.056.001.367	2.440.663.639.807	1.926.548.200.765	(4.379.000.243.160)	(4.861.250.768.951)	16.934.206.481.766	16.335.586.942.985
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.363.434.113.509	1.385.400.276.596	412.560.000	412.560.000	-	-	88.809.661.500	88.700.000.000	4.061.677.447	(28.653.245.149)	1.456.718.012.456	1.445.859.591.447
Tổng tài sản	19.536.422.586.781	18.508.370.836.198	699.967.171.847	1.457.675.510.202	-	687.056.001.367	2.529.473.301.307	2.015.248.200.765	(4.374.938.565.713)	(4.889.904.014.100)	18.390.924.494.222	17.778.446.534.432
Tổng nợ phải trả	11.113.930.274.412	10.128.087.327.742	668.603.389.690	1.277.543.567.275	-	97.322.333.715	1.597.707.752.196	1.382.699.504.151	(2.025.223.252.819)	(2.063.411.689.205)	11.555.018.163.479	10.822.241.063.678
Chi tiêu vốn	910.691.128.060	352.193.385.814	17.669.823.559	21.158.206.249	-	-	74.479.709.476	7.258.268.547	(230.992.671.849)	10.586.276.879	771.848.049.246	391.196.137.480
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	251.054.988.862	167.110.956.497	9.618.076.005	11.012.881.826	-	381.541.224	17.766.151.240	15.246.701.894	(3.076.617.310)	(15.428.773.744)	275.362.598.797	178.323.307.697
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	3.762.246.159	757.123.468	-	-	-	-	-	-	-	-	3.762.246.159	757.123.468
Khấu hao tài sản cố định vô hình	1.654.294.112	1.723.912.493	75.242.562	112.852.932	-	97.605.000	1.171.189.970	1.171.189.970	(1.139.411.026)	(1.133.957.590)	1.761.315.618	1.971.602.805
Khấu hao bất động sản đầu tư	450.495.751	433.474.393	68.387.442	-	-	-	459.459.690	311.619.234	-	-	978.342.883	745.093.627
Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015	30/6/2014	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Chưa soát xét	Chưa soát xét	Chưa soát xét	Chưa soát xét	Chưa soát xét	Chưa soát xét	Chưa soát xét	Chưa soát xét	Chưa soát xét	Chưa soát xét	Chưa soát xét	Chưa soát xét

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 6. Hợp nhất kinh doanh

### (a) Thoái vốn tại các công ty con

Trong kỳ, căn cứ vào Công văn số 108/VPCP-ĐMDN ngày 7 tháng 1 năm 2014 của Văn phòng Chính Phủ, Công văn số 2645/BCT-CNN ngày 3 tháng 4 năm 2014 của Bộ Công Thương và Nghị quyết số 15/NQ-TĐDMVN ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam về việc phê duyệt phương án thoái vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt may Việt Nam tại Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Tài chính Dệt May.

Trong kỳ, căn cứ vào Công văn số 580/VPCP-ĐMDN ngày 23 tháng 1 năm 2015 của Văn phòng Chính Phủ, Công văn số 2530/BCT-TC ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ Công Thương và Nghị quyết số 06/NQ-TĐDMVN ngày 7 tháng 4 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của Tập đoàn Dệt may Việt Nam tại Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư của Tập đoàn tại Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam.

Các giao dịch này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày thoái vốn như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ tại thời điểm thoái vốn VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	150.683.111.141
Các khoản phải thu ngắn hạn	566.795.085.216
Hàng tồn kho	203.597.380.019
Tài sản ngắn hạn khác	15.980.940.703
Tài sản cố định	227.525.218.621
Tài sản dở dang dài hạn	5.666.971.491
Đầu tư tài chính dài hạn	9.400.000.000
Tài sản dài hạn khác	152.123.791.971
Nợ phải trả ngắn hạn	(614.395.567.162)
Vay và nợ dài hạn	(22.984.824.550)
	<hr/>
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	694.392.107.450
	<hr/>
Phần tài sản thuần thuộc Tập đoàn tại ngày thoái vốn	491.965.369.375
Khoản chênh lệch tăng khi xác định lại giá trị khoản đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào công ty con cho mục đích cổ phần hóa	14.279.688.098
Khoản chênh lệch giữa số tiền thu được từ thoái vốn và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty con, được ghi nhận là khoản phải trả khác	30.587.559.502
Lãi thuần do thoái vốn tại công ty con	58.013.552.608
	<hr/>
Tiền thu được từ thoái vốn	594.846.169.583
Khoản tiền giảm do thoái vốn tại công ty con	(150.683.111.141)
	<hr/>
Khoản tiền thuần thu được do thoái vốn tại công ty con	444.163.058.442
	<hr/>

Lãi/(lỗ) phát sinh do thoái vốn tại công ty con được hạch toán vào tài khoản doanh thu hoạt động tài chính/chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Thuyết minh 36 và 37).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Hợp nhất công ty con mới trong kỳ**

Trong kỳ, một cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú – Daewon – Thủ Đức (“Công ty PPDT”), một công ty liên kết của Tập đoàn trong giai đoạn trước, đã thoái toàn bộ vốn. Công ty PPDT đã điều chỉnh lại vốn cổ phần theo số vốn góp của các cổ đông còn lại, qua đó nâng tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại công ty này từ 50,00% lên 57,47%. Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú – Daewon – Thủ Đức trở thành công ty con của Tập đoàn.

Giao dịch này ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày năm quyền kiểm soát với công ty con nêu trên như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ tại ngày năm quyền kiểm soát VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.745.386.716
Các khoản phải thu ngắn hạn	4.028.680.000
Tài sản ngắn hạn khác	12.295.988.853
Tài sản dở dang dài hạn	373.447.622.300
Tài sản dài hạn khác	45.396.041
Nợ phải trả ngắn hạn	(90.210.598.811)
	<hr/>
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	301.352.475.099
	<hr/>
Phần tài sản thuần thuộc Tập đoàn tại ngày năm quyền kiểm soát	85.158.373.328
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào Công ty PPDT tại ngày Tập đoàn năm quyền kiểm soát	(179.515.522.166)
Phần sở hữu của Tập đoàn trong giá phí khoản đầu tư của các công ty con cấp 1 vào Công ty PPDT tại ngày Tập đoàn năm quyền kiểm soát	(88.191.733.098)
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất công ty con mới (Thuyết minh 21)	3.033.359.770
	<hr/>
Khoản tiền thuần thu được	1.745.386.716
	<hr/>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	14.704.723.667	22.005.932.394
Tiền gửi ngân hàng	642.593.690.337	437.458.453.162
Các khoản tương đương tiền	2.432.045.236.075	2.085.255.109.940
	<hr/>	<hr/>
	3.089.343.650.079	2.544.719.495.496

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm 258 tỷ VND (1/1/2015: 232 tỷ VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	30/6/2015				1/1/2015			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
<b>Cổ phiếu</b>								
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (i)	-	-	-	-	503.300	10.245.333.720	-	(2.383.093.720)
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà và Phát triển Đô thị Nhà Trang	1.000.000	10.000.000.000	-	-	1.000.000	10.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức	275.520	8.684.173.303	-	-	321.440	10.131.535.520	-	-
Các cổ phiếu khác		2.382.320.486	-	-		1.291.857.000	-	-
		21.066.493.789	(*)	-		31.668.726.240	(*)	(2.383.093.720)

(i) Tập đoàn đã bán toàn bộ khoản đầu tư này trong kỳ.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	461.687.216.716	461.687.216.716
		<b>419.397.166.717</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000	2.000.000.000
▪ Trái phiếu	1.803.000.000	2.919.364.000
	<b>1.808.000.000</b>	<b>4.919.364.000</b>
	(*)	(*)

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,8% đến 8,0% (2014: từ 5,0% đến 8,0%) một năm.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/6/2015			1/1/2015			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty liên kết</b>							
▪ Tổng Công ty May 10 - Công ty Cổ phần	35,51%	35,51%	64.673.611.048	35,51%	35,51%	62.753.824.310	
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiên	47,88%	47,88%	362.783.933.650	47,88%	47,88%	306.063.878.852	
▪ Tổng Công ty Việt Thắng - Công ty Cổ phần	46,93%	46,93%	235.244.774.838	46,93%	46,93%	223.707.752.253	
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	33.673.778.417	27,00%	27,00%	34.880.678.417	
▪ Công ty Cổ phần May Nhà Bè	27,69%	27,69%	94.728.419.656	27,69%	27,69%	86.300.037.825	
▪ Công ty Cổ phần May Đức Giang	36,79%	36,79%	42.102.446.919	36,79%	36,79%	38.239.219.272	
▪ Công ty Cổ phần May Hưng Yên	36,28%	36,28%	80.330.127.144	36,28%	36,28%	71.321.740.126	
▪ Công ty Cổ phần Dệt may Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	85.346.535.875	30,00%	30,00%	85.346.535.875	
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	12,75%	25,00%	28.915.473.071	12,75%	25,00%	28.911.696.032	
▪ Công ty Cổ phần Dệt may Quảng Phú	20,40%	40,00%	35.311.408.736	20,40%	40,00%	34.026.565.216	
▪ Công ty TNHH Đầu tư Phúc Thịnh Đức	12,32%	29,45%	60.094.704.142	12,32%	29,45%	60.061.243.893	
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	18,18%	35,65%	152.265.500.153	18,18%	35,65%	74.501.674.130	
▪ Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			181.247.298.807			339.744.745.246	
			1.456.718.012.456 (*)			1.445.859.591.447 (*)	

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2015		1/1/2015	
	Tỷ lệ % hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết
	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi số VND	Dự phòng VND
	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đơn vị khác</b>				
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>				
▪ Ngân hàng TMCP Quốc Dân	3,65%	3,65%	85.763.223.000	(10.995.285.000)
▪ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	-	-
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác</i>				
▪ Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	8,59%	8,59%	25.837.929.461	-
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	1,65%	2,00%	40.231.395.003	-
▪ Công ty Cổ phần Thông Đức	12,16%	12,16%	49.600.000.000	(21.199.889.210)
▪ Công ty Cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam	1,95%	3,83%	53.163.455.345	-
▪ Các khoản đầu tư khác			187.608.142.118	(20.794.339.072)
			443.552.699.927	(52.989.513.282)
			(*)	(*)
			467.922.004.855	(51.585.210.515)
			(*)	(*)

(\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi số.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tập đoàn không có công ty con nào không được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn có tổng giá trị ghi sổ là 78 tỷ VND (1/1/2015: 93 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn.

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong kỳ/năm như sau:

	<b>Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	1.445.859.591.447	1.434.541.710.408
Tăng trong kỳ/năm	109.661.500	1.969.504.425
Tăng do các công ty liên kết mới mua trong kỳ/năm	-	450.706.222.695
Lãi từ đầu tư vào các công ty liên kết	227.745.141.193	378.428.504.000
Cổ tức được chia	(51.221.597.616)	(274.994.820.682)
Thanh lý các công ty liên kết	(20.858.028.419)	(2.825.744.135)
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát các công ty liên kết này	(144.301.622.536)	(588.290.491.064)
Tăng do sáp nhập một công ty liên kết với các công ty con của công ty liên kết này	-	61.496.489.299
Khác	(615.133.113)	(15.171.783.499)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>1.456.718.012.456</b>	<b>1.445.859.591.447</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (*)	148.205.189.544	162.259.578.137
Phải thu các khách hàng khác	1.850.389.187.509	2.067.957.935.413
	<hr/> 1.998.594.377.053	<hr/> 2.230.217.513.550

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản phải thu khách hàng có giá trị số là 465 tỷ VND (1/1/2015: 320 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

(\*) Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các bên liên quan như sau:

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Công ty Cổ phần Dệt Quảng Phú	40.331.925.005	62.175.160.856
Công ty TNHH Coats Phong Phú	75.814.388.776	60.251.895.322
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	20.853.223.428	20.424.674.713
Các công ty liên quan khác	11.205.652.335	19.407.847.246
	<hr/> 148.205.189.544	<hr/> 162.259.578.137

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**10. Phải thu về cho vay**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	104.300.000.000	111.127.094.862
▪ Các bên khác	69.021.793.000	238.698.718.698
	<hr/> 173.321.793.000	<hr/> 349.825.813.560
<b>Phải thu về cho vay dài hạn</b>		
▪ Các bên khác	8.471.428.330	-

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn có lãi suất dao động từ 0% đến 10,5% (2014: từ 0% đến 10,5%) một năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác:**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cổ phần hóa	6.898.111.701	6.490.327.215
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	90.856.863.091	298.662.711.391
Phải thu lãi cho vay	42.995.058.061	36.199.286.761
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	9.633.963.814	381.992.957
Phải thu các khoản tạm ứng	36.106.656.941	16.219.893.240
Phải thu cho mượn tài sản, nguyên vật liệu	14.607.400.783	12.886.965.561
Phải thu người lao động	8.345.566.829	2.526.930.162
Các khoản chi hộ	8.667.071.179	7.574.710.448
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú		
khoản vốn đã góp vào Dự án Đồng Mai	57.500.000.000	57.500.000.000
Đặt cọc tại Ban Quản lý Dự án Khu kinh tế Chân Mây -		
Lăng Cô	19.000.000.000	19.000.000.000
Phải thu Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam từ		
chuyên nhượng cổ phần	18.267.379.380	-
Phải thu Công ty TNHH Phước Phát tiền chuyển nhượng		
vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Vân	16.145.000.000	16.145.000.000
Phải thu tiền chuyển nhượng tài sản trên đất cho Công ty		
Cổ phần Sợi Đông Phú	6.983.239.000	6.980.239.000
Phải thu tiền san lấp mặt bằng từ UBND		
Huyện Thăng Bình – Tỉnh Quảng Nam	2.684.373.721	2.377.507.018
Ký cược, ký quỹ	1.548.575.899	-
Phải thu Công ty Cổ phần Giao thông Hồng Lĩnh tiền		
chuyển nhượng dự án Lê Minh Xuân	1.300.000.000	1.300.000.000
Phải thu tiền cho thuê đất trong Khu công nghiệp Dệt May		
Phố Nổi B	-	2.475.685.417
Phải thu về hỗ trợ từ nhà cung cấp	-	24.750.378.756
Phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh từ		
Công ty TNHH Tài Tín	-	3.242.551.090
Phải thu khác	58.511.426.277	35.269.863.714
	<b>400.050.686.676</b>	<b>549.984.042.730</b>

**(b) Phải thu dài hạn khác:**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát	504.081.385.644	503.975.658.594
Ký quỹ ký cược dài hạn	7.339.227.712	-
Phải thu dài hạn khác	183.697.823	591.000.000
	<b>511.604.311.179</b>	<b>504.566.658.594</b>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	30/6/2015 Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>				
Công ty TNHH ITG				
Phong Phú	Trên 3 năm	110.629.753.767	(110.629.753.767)	-
Khác		345.572.408.552	(200.879.293.716)	144.693.114.836
		<u>456.202.162.319</u>	<u>(311.509.047.483)</u>	<u>144.693.114.836</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu  
khó đòi – ngắn hạn (311.509.047.483)

	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	1/1/2015 Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>				
Công ty TNHH ITG				
Phong Phú	Trên 2 năm	110.629.753.767	(24.609.799.777)	86.019.953.990
Khác		351.809.631.202	(169.285.820.236)	182.523.810.966
		<u>462.439.384.969</u>	<u>(193.895.620.013)</u>	<u>268.543.764.956</u>

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu  
khó đòi – ngắn hạn (193.895.620.013)

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Hàng tồn kho**

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	117.173.741.201	-	151.195.036.380	-
Nguyên vật liệu	910.848.833.029	(21.875.744.483)	750.868.259.111	(30.397.044.007)
Công cụ và dụng cụ	25.339.929.131	-	18.624.499.569	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	977.672.793.858	(689.098.719)	905.265.195.457	(671.994.222)
Thành phẩm	779.594.887.651	(18.602.757.334)	702.810.828.987	(22.987.337.286)
Hàng hóa	48.977.368.287	(650.723.728)	310.986.995.075	(48.919.859)
Hàng gửi đi bán	67.450.285.818	-	53.488.944.197	-
Bất động sản để bán	10.002.825.000	-	10.002.825.000	-
	<b>2.937.060.663.975</b>	<b>(41.818.324.264)</b>	<b>2.903.242.583.776</b>	<b>(54.105.295.374)</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.175 tỷ VND (1/1/2015: 1.593 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có 174 tỷ VND nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2015: 239 tỷ VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Tài sản cố định hữu hình**

**Nguyên giá**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	2.607.449.534.300	6.086.500.518.467	237.568.834.435	71.288.083.296	79.190.874.930	9.081.997.845.428
Tăng trong kỳ	21.432.189.988	128.772.156.457	20.943.979.336	1.133.609.917	1.766.915.738	174.048.851.436
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	60.511.445.888	39.929.691.796	6.940.031.795	760.180.000	858.654.000	109.000.003.479
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	-	(11.128.067.132)	(875.457.856)	-	-	(12.003.524.988)
Giảm do thoái vốn tại các công ty con	(144.492.407.358)	(143.366.338.462)	(14.888.136.151)	(9.488.591.770)	(23.636.364)	(312.259.110.105)
Thanh lý	(7.190.994.528)	(38.616.541.222)	(3.274.917.637)	-	(783.782.306)	(49.866.235.693)
Xóa sổ	(14.902.279)	(2.178.702.595)	-	-	-	(2.193.604.874)

**Số dư cuối kỳ**

	2.537.694.866.011	6.059.912.717.309	246.414.333.922	63.693.281.443	81.009.025.998	8.988.724.224.683
--	-------------------	-------------------	-----------------	----------------	----------------	-------------------



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	857.276.796.465	3.571.369.641.779	134.847.105.407	37.505.622.095	33.302.272.497	4.634.301.438.243
Khấu hao trong kỳ	51.599.541.056	203.497.675.514	11.700.718.442	3.356.571.286	5.208.092.499	275.362.598.797
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	-	(10.934.643.493)	(875.457.856)	-	-	(11.810.101.349)
Giảm do thoái vốn tại các công ty con	(29.359.578.453)	(67.583.923.294)	(9.667.655.996)	(4.052.203.154)	(23.636.364)	(110.686.997.261)
Thanh lý	(6.275.112.300)	(33.648.178.210)	(1.795.867.154)	-	(642.628.390)	(42.361.786.054)
Xóa sổ	(14.902.279)	(1.840.098.136)	-	-	-	(1.855.000.415)
Số dư cuối kỳ	873.226.744.489	3.660.860.474.160	134.208.842.843	36.809.990.227	37.844.100.242	4.742.950.151.961
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	1.750.172.737.835	2.515.130.876.688	102.721.729.028	33.782.461.201	45.888.602.433	4.447.696.407.185
Số dư cuối kỳ	1.664.468.121.522	2.399.052.243.149	112.205.491.079	26.883.291.216	43.164.925.756	4.245.774.072.722

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 1.660 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 1.235 tỷ VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 9 tỷ VND (1/1/2015: 6 tỷ VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.481 tỷ VND (1/1/2015: 2.696 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	57.831.747.820
Tăng trong kỳ	20.037.403.056
Xóa sổ	(447.358.060)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	77.421.792.816
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	6.892.691.378
Khấu hao trong kỳ	3.762.246.159
Xóa sổ	(447.358.060)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	10.207.579.477
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	50.939.056.442
Số dư cuối kỳ	67.214.213.339
	<hr/> <hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	163.669.005.122	8.856.843.431	657.415.000	173.183.263.553
Tăng trong kỳ	-	160.850.000	-	160.850.000
Tăng do hợp nhất công ty con mới trong kỳ	-	-	36.000.000	36.000.000
Giảm do thoái vốn tại các công ty con	(26.862.507.320)	(991.815.000)	-	(27.854.322.320)
Xóa sổ		(10.500.000)	-	(10.500.000)
Số dư cuối kỳ	136.806.497.802	8.015.378.431	693.415.000	145.515.291.233
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	14.808.110.881	6.698.599.402	577.979.074	22.084.689.357
Khấu hao trong kỳ	1.259.338.353	491.494.761	10.482.504	1.761.315.618
Tăng do hợp nhất công ty con mới trong kỳ	-	-	36.000.000	36.000.000
Giảm do thoái vốn tại các công ty con	(972.456.856)	(928.759.687)	-	(1.901.216.543)
Xóa sổ	-	(10.500.000)	-	(10.500.000)
Số dư cuối kỳ	15.094.992.378	6.250.834.476	624.461.578	21.970.288.432
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	148.860.894.241	2.158.244.029	79.435.926	151.098.574.196
Số dư cuối kỳ	121.711.505.424	1.764.543.955	68.953.422	123.545.002.801

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 2,9 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 2,9 tỷ VND).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Bất động sản đầu tư**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	33.583.981.536	34.562.324.419
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	15.084.180.000	15.084.180.000
	48.668.161.536	49.646.504.419

**(a) Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Nhà cửa</b>	<b>Vật kiến trúc</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	35.785.233.723	21.158.444.620	56.943.678.343
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	15.312.991.410	7.068.362.514	22.381.353.924
Khấu hao trong kỳ	643.939.947	334.402.936	978.342.883
Số dư cuối kỳ	15.956.931.357	7.402.765.450	23.359.696.807
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	20.472.242.313	14.090.082.106	34.562.324.419
Số dư cuối kỳ	19.828.302.366	13.755.679.170	33.583.981.536

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại số Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam là một số nhà kho và nhà xưởng tại Ấp Tân Thái, Xã Hồ Nai 3, Huyện Tràng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Đô thị Dệt May Nam Định là nhà cãng-tin và một số công trình nhà cửa tại Sân vận động Dệt May, Phố Trần Đăng Ninh, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam;

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

**(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Công nghiệp và Sản xuất Kinh doanh Dệt May Việt Nam trên khu đất Hòa Khánh Tây, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê và bất động sản đầu tư chờ tăng giá do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này.

**18. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	576.625.489.809	538.131.179.498
Tăng trong kỳ/năm	597.638.347.810	586.922.430.783
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	193.423.639	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(109.000.003.479)	(582.582.364.384)
Chuyển (sang)/từ chi phí trả trước dài hạn	(3.824.381.796)	13.715.191.498
Tăng do hợp nhất công ty con mới	373.447.622.300	23.981.177.226
Giảm do thoái vốn tại các công ty con	(5.666.971.491)	-
Thanh lý	-	(3.542.124.812)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>1.429.413.526.792</b>	<b>576.625.489.809</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Mua sắm máy móc, thiết bị	90.194.659.375	12.176.794.328
Đầu xây dựng cơ bản		
▪ Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
• Nhà máy Sợi Phú Hưng	52.025.645.455	62.205.738
• Nhà máy Sợi Nam Định	40.678.858.702	31.400.081.832
• Nhà máy Sợi Phú Cường	18.821.436.050	939.957.414
• Nhà máy Sản xuất Vải Yarded	191.237.722.229	14.741.438.311
• Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	28.083.808.892	4.248.640.271
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8 - 3		
• Nhà máy Kéo sợi Hưng Yên	25.769.210.458	925.413.692
▪ Công ty Cổ phần SXKD Nguyên liệu Dệt May Việt Nam		
• Trang trại trồng bông công nghệ cao Đăk Lăk	14.846.730.952	12.507.700.130
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối		
• Dự án Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối - Giai đoạn 2	320.770.928.301	310.532.092.545
▪ Công ty TNHH MTV Hà Nam – Hanosimex		
• Công trình xây dựng công ty TNHH MTV Hà Nam Hanosimex	27.800.925.829	27.800.925.829
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
• Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động Lực	53.294.249.629	50.325.869.201
• Nhà máy Xử lý nước thải	18.053.416.165	17.929.766.685
▪ Công ty Cổ phần May Nam An		
• Nhà máy Nam An II	19.600.880.210	-
▪ Công ty TNHH May Vinatex Bồng Sơn		
• Công trình nhà xưởng giai đoạn 2	25.301.556.025	25.301.556.025
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
• Nhà máy Sợi Ninh Phú	41.183.517.966	9.804.311.587
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
• Dự án khu nhà ở, trung tâm thương mại và siêu thị	51.893.173.165	51.893.173.165
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú		
- Daewon - Thủ Đức		
• Dự án phát triển Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức	373.447.622.300	-
Các công trình khác	36.409.185.089	6.035.563.056
	<b>1.429.413.526.792</b>	<b>576.625.489.809</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 575 tỷ VND (1/1/2015: 318 tỷ VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 29 tỷ VND (2014: 19 tỷ VND).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả trước phí bảo hiểm	644.867.299	1.359.681.219
Trả trước chi phí đi vay	-	544.802.643
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	10.605.386.986	9.430.336.742
Công cụ dụng cụ	7.283.711.566	8.048.324.755
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	886.520.555	1.765.453.589
	<hr/>	<hr/>
	19.420.486.406	21.148.598.948
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê văn phòng, nhà máy trả trước VND	Công cụ, dụng cụ VND	Lợi thế kinh doanh VND	Phụ tùng thay thế VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	13.821.571.689	189.475.452.708	38.458.054.111	88.094.410.655	5.872.894.239	6.988.598.779	75.013.220.371	44.015.237.383	461.739.439.935
Tăng trong kỳ	-	9.863.600.000	17.400.000.000	18.475.571.208	-	2.319.969.967	12.549.780.036	20.698.400.755	81.307.321.966
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	3.522.855.005	-	-	-	301.526.791	3.824.381.796
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	45.396.041	45.396.041
Giảm do thoái vốn tại các công ty con	-	(4.978.654.735)	(31.669.590.176)	(19.083.512.435)	-	-	(61.484.526.318)	-	(117.216.283.664)
Thanh lý	-	-	-	(992.896.816)	-	-	-	-	(992.896.816)
Phân bổ trong kỳ	(2.813.262.292)	(7.639.461.697)	(760.835.274)	(25.951.278.412)	(323.270.622)	(1.616.861.887)	(6.648.524.853)	(12.875.506.118)	(58.629.001.155)
Số dư cuối kỳ	11.008.309.397	186.720.936.276	23.427.628.661	64.065.149.205	5.549.623.617	7.691.706.859	19.429.949.236	52.185.054.852	370.078.358.103

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, không có khoản chi phí trả trước dài hạn được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (1/1/2015: 97 tỷ VND).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/6/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20% - 22%	6.691.851.912	6.686.339.435
Các khoản mục khác	20% - 22%	1.317.230.185	16.921.016.052
TỔNG TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI		8.009.082.097	23.607.355.487
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Phải thu tiền đền bù, giải tỏa mặt bằng	20% - 22%	23.864.518.959	26.250.970.855
Các khoản mục khác	20% - 22%	14.482.795.853	-
TỔNG THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ		38.347.314.812	26.250.970.855

**21. Lợi thế thương mại**

	<b>VND</b>
<b>Giá gốc</b>	
Số dư đầu kỳ	45.032.112.563
Tăng trong kỳ (Thuyết minh 6)	3.033.359.770
Số dư cuối kỳ	48.065.472.333
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	15.107.325.825
Khấu hao trong kỳ	2.251.605.628
Số dư cuối kỳ	17.358.931.453
<b>Giá trị ghi sổ</b>	
Số dư đầu kỳ	29.924.786.738
Số dư cuối kỳ	30.706.540.880



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Phải trả người bán**

	<b>30/6/2015</b> <b>Giá gốc và số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>Giá gốc và số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
▪ Phải trả người bán là các bên liên quan (*)	131.316.238.815	52.297.488.938
▪ Phải trả người bán khác	1.047.129.536.961	1.279.165.540.895
	1.178.445.775.776	1.331.463.029.833
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>		
▪ Phải trả người bán khác	24.665.284.812	28.388.184.613

(\*) Chi tiết các khoản phải trả người bán là các bên liên quan như sau:

	<b>30/6/2015</b> <b>Giá gốc và số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>Giá gốc và số có</b> <b>khả năng trả nợ</b> <b>VND</b>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	33.180.055.985	25.850.541.487
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	13.730.121.580	-
Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú	64.394.939.174	-
Các công ty liên quan khác	20.011.122.076	26.446.947.451
	131.316.238.815	52.297.488.938

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại trong kỳ VND	Giảm do thoái vốn tại các công ty con VND	30/6/2015 VND
<b>Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại</b>					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.810.760.390	2.057.737.826	(6.033.976.882)	-	7.834.521.334
Thuế xuất nhập khẩu	6.712.754.084	10.590.613.647	(9.970.442.083)	-	7.332.925.648
Thuế nhà đất	-	1.576.563.791	-	-	1.576.563.791
Các loại thuế khác	4.470.217.234	13.642.117.376	(17.174.446.009)	-	937.888.601
<b>Các khoản khác phải thu Nhà nước</b>					
Các khoản khác	7.655.184.153	11.661.500	(3.142.257.232)	(4.423.545.202)	101.043.219
	30.648.915.861	27.878.694.140	(36.321.122.206)	(4.423.545.202)	17.782.942.593

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Giảm do thoái vốn tại các công ty con VND	30/6/2015 VND
<b>Thuế</b>					
Thuế giá trị gia tăng	29.701.349.054	179.574.630.121	(193.377.855.339)	(2.066.134.865)	13.831.988.971
Thuế xuất nhập khẩu	2.146.199.898	10.052.518.747	(4.448.603.412)	-	7.750.115.233
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.823.312.411	36.376.037.757	(31.222.391.546)	-	20.976.958.622
Thuế thu nhập cá nhân	4.244.343.732	19.625.900.278	(21.275.467.923)	(72.589.198)	2.522.186.889
Thuế tài nguyên	84.286.602	225.622.179	(251.543.060)	-	58.365.721
Thuế nhà đất	14.563.350.000	3.723.191.937	(2.214.265.154)	-	16.072.276.783
Tiền thuê đất	29.378.724.776	35.558.287.445	(19.955.903.925)	-	44.981.108.296
Các loại thuế khác	1.052.148.565	464.021.637	(1.440.390.050)	-	75.780.152
<b>Các khoản phải nộp khác</b>					
Các khoản khác	176.268.115	12.327.159	(26.772.633)	-	161.822.641
	97.169.983.153	285.612.537.260	(274.213.193.042)	(2.138.724.063)	106.430.603.308



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	29.104.023.482	19.878.738.115
Phí dịch vụ chuyên môn và phí tư vấn	2.174.037.728	2.513.000.000
Chi phí hoạt động	11.232.113.421	3.805.999.037
Mua sắm tài sản cố định, xây dựng nhà xưởng	96.105.530.431	96.105.530.431
Tiền thuê đất phải trả	29.216.483.244	36.499.905.549
Chi phí cải tạo, sửa chữa	8.275.816.568	8.836.362.023
Chi phí gia công thuê ngoài	624.840.070	1.772.887.460
Phí giải phóng mặt bằng	3.000.000.000	3.000.000.000
Phí hoa hồng	2.306.963.234	4.217.489.709
Chi phí giám sát	3.606.524.927	4.334.580.555
Chi phí phải trả khác	23.327.953.853	30.540.143.977
	<b>208.974.286.958</b>	<b>211.504.636.856</b>

**25. Doanh thu chưa thực hiện****(a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Doanh thu nhận trước	19.315.343.299	-
Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	2.178.026.970	9.495.875.465
	<b>21.493.370.269</b>	<b>9.495.875.465</b>

**(b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Doanh thu nhận trước	67.260.359.063	83.948.839.495
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(2.178.026.970)	(9.495.875.465)
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	65.082.332.093	74.452.964.030

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	32.144.026.866	28.668.576.864
Phải trả về cổ phần hóa	5.572.272.911	5.582.352.371
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	8.024.439.867	6.418.762.746
Phải trả lãi vay cho Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	16.589.956.440	15.794.844.331
Phải trả lãi vay khác	33.448.542.613	21.867.988.492
Phải trả cổ tức	50.736.173.519	33.020.482.908
Quỹ từ thiện	3.716.601.527	3.716.601.527
Phải nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (i)	200.487.522.869	510.250.260.045
Vốn được Ngân sách Nhà nước cấp cho mục đích đầu tư dự án (ii)	90.685.125.218	-
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN	68.455.091.012	68.455.091.012
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	18.432.741.258	
Phải trả tiền thu hộ	14.377.004.679	-
Tiền đặt cọc	10.473.352.796	-
Phải trả của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú liên quan đến các dự án đầu tư	10.000.000.000	-
Phải trả nhà nước tiền quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinatex	9.165.589.394	9.165.589.394
Tiền thưởng phải trả cho nhân viên	1.009.146.191	11.344.842.177
Nhận đặt cọc theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại công ty con	-	219.208.552.560
Các khoản phải trả khác	76.398.819.506	74.609.328.451
	<b>649.716.406.666</b>	<b>1.008.103.272.878</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn được Ngân sách Nhà nước cấp cho mục đích đầu tư dự án (ii)	116.000.000.000	-
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát	46.000.000.000	46.000.000.000
Nhận tiền ủy thác góp vốn	28.196.000.000	27.832.366.273
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	-	8.368.302.268
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	1.229.602.622	3.661.324.210
	191.425.602.622	85.861.992.751

- (i) Đây là khoản chênh lệch của giá trị thực tế phần vốn nhà nước giữa thời điểm Tập đoàn Dệt May Việt Nam chính thức chuyển sang công ty cổ phần và thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp phải nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.
- (ii) Phản ánh khoản tiền nhận được từ Ngân sách Nhà nước cho mục đích đầu tư dự án. Tập đoàn có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được cấp theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn ghi nhận khoản tiền nhận được là một khoản phải trả do chưa có quyết định chính thức của các cơ quan có thẩm quyền về việc xử lý nguồn vốn được cấp từ Ngân sách Nhà nước này.

**(c) Phải trả khác cho các bên liên quan**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả các công ty liên quan	7.502.380.390	583.432.882

Khoản phải trả khác cho các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**27. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuế tài chính**

**(a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	1/1/2015		Biến động trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.540.025.807.328	3.540.025.807.328	8.985.529.616.479	(8.478.360.724.658)	4.047.194.699.149	4.047.194.699.149
Vay dài hạn đến hạn trả (b)(i)	355.374.503.464	355.374.503.464	173.348.376.664	(312.328.780.129)	216.394.099.999	216.394.099.999
Nợ gốc thuế tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	4.344.408.180	4.344.408.180	1.923.528.080	(1.209.996.900)	5.057.939.360	5.057.939.360
Nợ dài hạn khác đến hạn trả trong vòng 12 tháng	1.525.000.000	1.525.000.000	-	(1.525.000.000)	-	-
	<b>3.901.269.718.972</b>	<b>3.901.269.718.972</b>	<b>9.160.801.521.223</b>	<b>(8.793.424.501.687)</b>	<b>4.268.646.738.508</b>	<b>4.268.646.738.508</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, trong khoản vay ngắn hạn có 1.826 tỷ VND (1/1/2015: 2.103 tỷ VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 2.057 tỷ VND (1/1/2015: 2.745 tỷ VND). Trong kỳ, các khoản vay này chịu lãi suất từ 1,5% đến 11% một năm (năm 2014: từ 1,7% đến 12% một năm).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại được đảm bảo bằng hình thức tín chấp và chịu lãi suất từ 1,8% đến 11,5% một năm (năm 2014: từ 1,6% đến 12% một năm).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn (i)	3.561.934.205.653	3.076.254.382.763
Trái phiếu thường (ii)	500.000.000.000	500.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	13.354.970.757	14.182.610.890
Nợ dài hạn khác	13.686.110.573	10.890.963.048
	<hr/>	<hr/>
	4.088.975.286.983	3.601.327.956.701
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(221.452.039.359)	(361.243.911.644)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	3.867.523.247.624	3.240.084.045.057
	<hr/>	<hr/>

**(i) Vay dài hạn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, trong khoản vay dài hạn có 3.067 tỷ VND (1/1/2015: 2.649 tỷ VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 2.975 tỷ VND (1/1/2015: 2.604 tỷ VND). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất từ 2% đến 13,5% một năm (năm 2014: từ 3% đến 15% một năm).

Các khoản vay dài hạn còn lại được đảm bảo bằng hình thức tín chấp và chịu lãi suất từ 3% đến 11,8% một năm (năm 2014: từ 3% đến 11,8% một năm).

**(ii) Trái phiếu thường**

	<b>Lãi suất</b>	<b>Năm</b>	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>	
<b>Loại tiền</b>	<b>năm</b>	<b>đáo hạn</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	VND	10%	2019	500.000.000.000	500.000.000.000
				<hr/>	<hr/>
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				500.000.000.000	500.000.000.000
				<hr/>	<hr/>

Trái phiếu thường được phát hành bởi Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Các trái phiếu thường này được đảm bảo bằng toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại các công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam và Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang với tổng giá trị ghi sổ là 215 tỷ VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (1/1/2015: 215 tỷ VND).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**28. Các khoản dự phòng**

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Chi phí di dời VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	119.291.005.625	1.063.781.893	120.354.787.518
Dự phòng lập trong kỳ	-	7.400.892.720	7.400.892.720
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(1.188.408.716)	(685.200.996)	(1.873.609.712)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(590.726.221)	(590.726.221)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>118.102.596.909</b>	<b>7.188.747.396</b>	<b>125.291.344.305</b>
Ngắn hạn	-	7.188.747.396	7.188.747.396
Dài hạn	118.102.596.909	-	118.102.596.909
	<b>118.102.596.909</b>	<b>7.188.747.396</b>	<b>125.291.344.305</b>

Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới.

**29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND
Số dư đầu kỳ/năm	129.900.455.110	88.294.920.264
Trích lập trong kỳ/năm	47.479.873.729	79.352.431.529
Tăng do hợp nhất công ty con mới	-	5.788.111.550
Sử dụng trong kỳ/năm	(37.585.325.883)	(43.495.888.514)
Giảm do thoái vốn tại các công ty con	(1.006.372.766)	(39.119.719)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>138.788.630.190</b>	<b>129.900.455.110</b>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**30. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

Số dư tại ngày 1/1/2014	Vốn góp/ Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguyên vốn sẵn dựng cơ bản VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND	Nguyên kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng VND
4.285.655.300.181	44.221.194.339	(396.862.003.314)	600.738.284.990	18.964.022.745	10.087.677.101	355.089.501.720	2.760.607.380	716.528.611.964	5.637.183.197.106	43.141.090.195	5.680.324.287.301	
Tăng vốn góp do Ngân sách Nhà nước cấp vốn cho một công ty con	9.733.598.438	-	-	-	-	-	-	-	9.733.598.438	-	-	9.733.598.438
Vốn góp	-	(361.656.929)	-	-	-	-	-	15.007.500.000	(361.656.929)	15.007.500.000	-	15.007.500.000
Biên động thuần của cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nguyên kinh phí nhận từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	210.954.790	210.954.790	658.536.458	869.491.248
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	21.559.782.205	-	101.754.682	158.894.899.527	-	32.273.866.901	191.168.766.428	-	191.168.766.428
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	(3.606.000.000)	(1.583.256.946)	(61.194.616)	(34.904.596.674)	-	(7.972.414.980)	(21.215.474.767)	-	(21.215.474.767)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	(134.805.384)	(5.384.256.946)	-	(5.996.496.579)
Nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	(112.831.135.000)	(112.831.135.000)	-	(112.831.135.000)
Cử tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(33.714.592.547)	(33.714.592.547)	-	(33.714.592.547)
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	1.077.228.553.027	1,077,228,553,027	-	1,077,228,553,027
Phân bổ vốn của cổ đông không kiểm soát trong giá phi khoản đầu tư của công ty con cấp 1 khi mua công ty con cấp 2 tại ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát các công ty con cấp 1 này	-	-	-	-	-	-	-	-	(202.623.976.500)	(202,623,976,500)	-	(202,623,976,500)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.033.938.245)	(3,033,938,245)	-	(3,033,938,245)
Giảm phần lợi ích cổ đông không của các công ty con mà Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trong kỳ tại các công ty con khác của Tập đoàn	-	-	-	-	-	-	-	-	(21.062.279.263)	(21,062,279,263)	-	(21,062,279,263)
Tăng do sáp nhập một công ty, liên kết với các công ty con của công ty liên kết này	-	-	-	47.875.166.835	-	-	13.621.322.464	-	-	61,496,489,299	-	61,496,489,299
Chênh lệch phát sinh khi Tập đoàn tăng tỷ lệ sở hữu tại một công ty con nhưng không thay đổi quyền kiểm soát đối với công ty con này	-	-	-	-	-	-	(31.777.582.926)	-	(90.363.217.074)	(122,140,800,000)	-	(122,140,800,000)
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	(2.113.146.431)	12.340.475.949	(744.009.002)	123.215.381	-	(3.418.934.153)	-	(1.870.172.957)	5,317,426,787	(176,638,189)	(5,140,788,598)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2014</b>	<b>4.295.388.898.619</b>	<b>41.746.390.979</b>	<b>(384.521.527.365)</b>	<b>665.823.225.028</b>	<b>17.504.979.180</b>	<b>10.128.237.167</b>	<b>345.673.474.958</b>	<b>2.760.607.380</b>	<b>1.480.474.089.732</b>	<b>6.474.978.375.678</b>	<b>43.010.748.831</b>	<b>6.517.989.124.509</b>
- Chưa soát xét												

Số dư tại ngày 1/1/2015	Vốn góp/ Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn xây dựng cơ bản VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng VND
	4.299.595.911.499	770.234.193.045	(384.521.527.365)	388.519.949.500	-	10.735.145.017	212.848.004.910	2.760.607.380	1.612.907.276.735	6.913.079.560.721	43.125.910.033	6.956.205.470.754
Vốn góp	-	-	-	-	-	-	-	-	25.851.656.100	25.851.656.100	-	25.851.656.100
Biên động thuần của cổ phiếu quỹ	-	4.895.986.779	-	-	-	-	-	-	8.149.013.221	13.045.000.000	-	13.045.000.000
Nguồn kinh phí nhận từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	359.380.198	359.380.198	457.059.741	816.439.939
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	358.315.136	174.630.161.397	-	54.266.059.406	228.896.220.803	-	228.896.220.803
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	32.231.696.551	-	(51.681.752)	(61.670.111.535)	-	(18.399.773.881)	(47.479.873.729)	-	(47.479.873.729)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.094.963.497)	(1.146.645.229)	(1.837.483.094)	(2.984.128.323)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(93.205.554.766)	(93.205.554.766)	-	(93.205.554.766)
Điều chuyển tăng vốn công ty cổ phần	700.404.088.501	(700.404.088.501)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	216.194.101.771	216.194.101.771	-	216.194.101.771
Phân số hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá trị khoản đầu tư của công ty con cấp 1 khi mua công ty con cấp 2	-	-	-	-	-	-	-	-	(91.323.789.068)	(91.323.789.068)	-	(91.323.789.068)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(202.326.738.075)	(188.147.049.977)	-	(188.147.049.977)
Chênh lệch phát sinh khi Tập đoàn thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con này	-	-	14.279.688.098	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	33.179.429	-	-	-	-	(1.458.412.527)	-	2.665.070.337	1.237.837.239	-	1.237.837.239
<b>Số dư tại ngày 30/6/2015</b>	<b>5.000.000.000.000</b>	<b>74.759.270.752</b>	<b>(370.241.839.267)</b>	<b>420.751.646.051</b>	<b>-</b>	<b>11.041.778.421</b>	<b>324.349.642.245</b>	<b>2.760.607.380</b>	<b>1.530.739.738.481</b>	<b>6.994.160.844.063</b>	<b>41.745.486.680</b>	<b>7.035.906.330.743</b>

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, chênh lệch đánh giá lại tài sản bao gồm 370 tỷ VND (1/1/2015: 384 tỷ VND) là khoản đánh giá tăng giá trị các khoản đầu tư dài hạn của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam so với giá gốc của khoản đầu tư cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

Theo quy định tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải thực hiện định giá lại các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên báo cáo tài chính riêng tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần ngày 1 tháng 1 năm 2015 và giá trị được định giá lại này sẽ được xác định là giá gốc của các khoản đầu tư khi chuyển giao sang công ty cổ phần. Theo đó, phần chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư sẽ được điều chỉnh tương ứng vào khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước và khoản phải nộp thuế thu nhập cá nhân tại ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tuy nhiên, theo Công văn số 5084/BTC-TCĐN ngày 17 tháng 4 năm 2015 về việc đánh giá khoản đầu tư tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần, Bộ Tài chính đã chấp thuận việc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa định giá lại các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần, việc định giá này sẽ được thực hiện khi Tập đoàn quyết toán giai đoạn chuyển đổi từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần và sẽ do đoàn đánh giá của Bộ Tài chính và Bộ Công Thương quyết định, dự kiến trong Quý 4 năm 2015.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	<b>29/1/2015 và 30/6/2015</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Xem thuyết minh 30 để biết chi tiết biến động vốn cổ phần trong kỳ.

**32. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**33. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	<b>30/6/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	20.033.060.968	70.621.585.583
Trong vòng hai đến năm năm	42.415.278.048	198.851.212.528
Sau năm năm	23.032.750.938	200.606.339.554
	85.481.089.954	470.079.137.665



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công	78.485.582.982	80.423.759.927
Vật tư hàng hóa nhận ký gửi, cầm cố, thế chấp	742.415.880	136.319.428.435
	<hr/> 79.227.998.862	<hr/> 216.743.188.362

**(c) Ngoại tệ các loại**

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>		<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.113.760	46.023.742.117	3.800.059	81.130.433.653
JPY	35.000.000	6.230.000.000	40.000	7.080.000
EUR	14.763	362.310.905	2.352	59.654.523
		<hr/> 52.616.053.022		<hr/> 81.197.168.176

**(d) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH MTV Dệt 19/5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác			12.875.760.918	12.767.004.043
			<hr/> 23.289.932.361	<hr/> 23.181.175.486

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(e) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	358.879.827.449	481.100.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	32.000.854.160	-
	<hr/> 390.880.681.609	<hr/> 481.100.000.000

**34. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	7.025.976.859.772	5.208.046.517.688
▪ Cung cấp dịch vụ và gia công	155.042.378.163	143.137.598.176
▪ Hợp đồng xây dựng	27.201.895.450	-
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	4.670.788.780	5.650.652.440
▪ Thu nhập tiền lãi	-	17.069.503.220
	<hr/> 7.212.891.922.165	<hr/> 5.373.904.271.524
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(6.731.191.465)	(6.603.409.650)
▪ Giảm giá hàng bán	(1.364.510.809)	(497.650.244)
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.805.303.188)	(1.499.011.671)
	<hr/> (10.901.005.462)	<hr/> (8.600.071.565)
Doanh thu thuần	<hr/> 7.201.990.916.703	<hr/> 5.365.304.199.959

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**35. Giá vốn hàng bán**

	<b>Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	6.243.346.165.616	4.680.888.644.923
▪ Dịch vụ đã cung ứng	34.153.669.937	20.142.917.958
▪ Hợp đồng xây dựng	25.338.627.133	-
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	794.779.030	18.130.529
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.557.740.865)	(3.701.510.505)
	<hr/>	<hr/>
	6.302.075.500.851	4.697.348.182.905
	<hr/>	<hr/>

**36. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	78.000.729.092	44.526.031.828
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	9.866.000.433	4.904.852.065
Lãi thuần do thoái vốn tại công ty con	115.334.041.986	4.022.951.168
Cổ tức được chia	17.059.242.308	487.752.381
Lãi mua bán ngoại tệ	-	218.263.088
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	18.164.706.769	7.884.236.493
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	39.243.545	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	388.481.826
Chiết khấu thanh toán	-	4.590.781.572
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.113.461.177	338.912.912
	<hr/>	<hr/>
	243.577.425.310	67.362.263.333
	<hr/>	<hr/>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Chi phí tài chính**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
Chi phí lãi vay	167.874.041.685	115.212.027.642
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	2.549.361.403	-
Lỗ do thoái vốn tại công ty con	57.320.489.378	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	34.152.025.080	12.807.964.905
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	41.420.954.206	2.356.939.191
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	30.748.536	(176.544.301)
Lãi do thanh toán chậm	851.365.760	1.776.659.863
Chi phí tài chính khác	440.601.977	10.925.072.321
	<b>304.639.588.025</b>	<b>142.902.119.621</b>

**38. Chi phí bán hàng**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
Chi phí nhân viên bán hàng	69.484.606.394	59.689.622.896
Chi phí công cụ và dụng cụ	8.080.281.948	5.330.756.783
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.773.238.169	1.313.503.622
Chi phí vận chuyển	58.872.770.357	49.726.030.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	102.041.548.555	104.538.678.652
Chi phí bao bì	13.498.339.178	11.120.576.372
Chi phí hoa hồng	7.597.950.780	22.096.155.777
Chi phí xuất nhập khẩu	934.228.430	1.657.298.715
Chi phí bán hàng khác	40.863.565.977	34.148.403.456
	<b>303.146.529.788</b>	<b>289.621.027.110</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**39. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
Chi phí nhân viên văn phòng	175.652.221.788	100.460.696.974
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.987.350.345	3.209.395.504
Chi phí khấu hao và hao mòn	32.557.597.178	26.801.472.053
Dự phòng phải thu khó đòi	127.034.310.044	108.743.557.320
Thuế, phí và lệ phí	18.803.540.242	7.964.957.113
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.912.734.870	29.552.542.192
Tiền thuê đất	13.248.346.267	13.056.292.570
Công tác phí	5.793.783.531	5.130.071.097
Chi phí tiếp khách	7.694.900.329	7.091.159.065
Chi phí nhiên liệu, bảo dưỡng xe	3.078.512.484	3.157.092.533
Trợ cấp mất việc	7.400.892.720	-
Chi phí khác	32.947.373.504	86.846.114.310
	478.111.563.302	392.013.350.731

**40. Thu nhập khác**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
Lãi do thanh lý tài sản cố định	5.770.812.551	970.808.147
Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng nhận được từ các bên khác	11.471.366.114	125.500.927.564
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ từ hợp nhất kinh doanh	-	64.078.039.811
Bán phế liệu	1.493.212.401	5.172.940.541
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	7.550.899.210	6.938.323.398
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.085.937.414	2.355.605.531
Tiền hỗ trợ xuất khẩu	2.035.875.162	-
Nợ phải trả được xóa	5.087.863.683	-
Các khoản khác	11.890.059.300	6.151.625.581
	46.386.025.835	211.168.270.573

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**41. Chi phí khác**

	<b>Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
Lỗ do thanh lý, xóa sổ tài sản cố định	3.853.872.568	109.372.772
Chi phí phân bổ tiền thuê đất Nhà máy Sợi Phú Xuyên	3.710.002.734	2.220.400.002
Phạt vi phạm thuế	166.485.073	56.131.039
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	1.458.526.403	26.156.265
Chi phí giải phóng mặt bằng	7.191.091.618	-
Chi phí hoạt động cấp điện và nước và các dịch vụ khác	3.769.940.311	3.572.211.270
Chi phí của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú liên quan đến các dự án đầu tư	10.000.000.000	-
Các khoản khác	8.609.532.461	5.379.738.723
	<b>38.759.451.168</b>	<b>11.364.010.071</b>

**42. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2015</b>	<b>30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Chưa soát xét</b>
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	4.214.503.906.846	3.310.918.951.077
Chi phí nhân công	1.282.755.005.924	910.456.970.836
Chi phí khấu hao	284.116.109.085	183.011.214.882
Chi phí dịch vụ mua ngoài	982.977.876.908	712.095.053.371
Chi phí khác	503.519.516.280	135.321.258.422



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**43. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
		Chưa soát xét
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	36.376.037.757	19.627.536.617
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	170.477.273
	<hr/>	<hr/>
	36.376.037.757	19.798.013.890
	<hr/>	<hr/>
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	27.694.617.347	41.600.608.066
	<hr/>	<hr/>
<b>Chi phí thuế thu nhập</b>	64.070.655.104	61.398.621.956
	<hr/>	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
Lợi nhuận kế toán trước thuế	292.966.875.907	252.567.388.384
Thuế tính theo thuế suất của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	64.452.712.700	55.564.825.444
Ưu đãi thuế	(1.484.009.324)	(1.003.163.659)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(5.094.718.581)	(3.949.933.671)
Chi phí không được khấu trừ thuế	489.507.169	134.383.573
Thu nhập không bị tính thuế	(7.895.869.711)	(16.027.692.055)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(7.380.999.558)	(163.510.122)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	20.984.032.409	26.673.235.173
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	170.477.273
	<u>64.070.655.104</u>	<u>61.398.621.956</u>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thông thường là 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định trong các quy định thuế hiện hành.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**44. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 500.000.000 cổ phiếu, chi tiết như sau:

	<b>Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông (*)	174.630.161.397
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	500.000.000
	<hr/>
	349

(\*) Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Tập đoàn không bao gồm số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Nếu Tập đoàn trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, và theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu, sẽ giảm đi.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### 45. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo</b>		
Thu nhập cổ tức	-	5.940.000.000
<b>Công ty TNHH Coats Phong phú</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	54.449.096.653	37.044.962.363
Bán hàng hóa	138.221.844.280	922.404.000
Thu nhập cổ tức	37.883.078.906	53.446.666.668
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú</b>		
Mua hàng hóa	13.730.121.580	-
Bán hàng hóa	16.684.890.352	24.267.843.055
Cho vay	-	31.200.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	6.827.094.862	-
Thu nhập lãi cho vay	3.130.545.832	848.816.667
<b>Công ty Cổ phần May Nhà Bè</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	18.945.919.273	16.564.282.170
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.765.961.776	7.843.405.996
<b>Công ty Cổ phần May Bình Minh</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.961.797.868	2.082.440.059
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	2.311.316.655
Thu nhập cổ tức	-	1.350.000.000
<b>Tổng Công ty Cổ phần May 10</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	714.303.160	39.396.340.035
Mua hàng hóa và dịch vụ	736.799.000	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt Quảng Phú</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	111.227.809.753	23.517.112.025
Mua hàng hóa và dịch vụ	166.929.396.037	23.042.144.099
<b>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	777.450.000	4.394.180.558
Mua hàng hóa và dịch vụ	453.139.035	12.560.710.693
Thu nhập cổ tức	-	6.612.960.000

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	30/6/2014 VND Chưa soát xét
<b>Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	451.060.625	535.739.450
Mua hàng hóa và dịch vụ	22.208.143.144	4.738.664.097
<b>Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	795.777.105	2.432.194.619
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.171.230.322	818.566.322
Thu nhập cổ tức	185.440.000	185.440.000
<b>Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	14.986.201.326	-
Thu nhập cổ tức	865.977.000	-
<b>Công ty Cổ phần May Hữu Nghị</b>		
Góp vốn đầu tư	-	5.914.684.976
Thu nhập cổ tức	-	4.304.416.520
<b>Công ty Cổ phần May Đáp Cầu</b>		
Mua trái phiếu chuyển đổi	-	1.803.000.000
<b>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài 2</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.689.488.924	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	174.100.972	443.113.840
Thu nhập cổ tức	4.181.181.860	-
<b>Công ty Cổ phần VTD Hiệp Đức</b>		
Mua hàng hóa	5.504.644.608	3.000.000

#### 46. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

Ngoài các giao dịch phi tiền tệ phát sinh từ việc thoái vốn và hợp nhất công ty con mới, như trình bày tại Thuyết minh 6, Tập đoàn còn có các giao dịch đầu tư và tài chính phi tiền tệ sau:

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Nguyên giá của tài sản cố định do Tập đoàn nhận được thông qua hình thức thuê tài chính	20.037.403.056	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**47. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Chứng khoán kinh doanh	31.668.726.240	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	419.397.166.717	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	587.022.721.287
Phải thu về cho vay ngắn hạn	349.825.813.560	-
Phải thu ngắn hạn khác	549.984.042.730	763.853.027.960
Phải thu dài hạn khác	504.566.658.594	591.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	467.922.004.855	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	4.919.364.000	-
Đầu tư dài hạn khác	-	976.817.027.449
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	9.495.875.465	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.008.103.272.878	1.017.599.148.343
Quỹ dự phòng tài chính	-	80.071.211.315
Quỹ đầu tư phát triển	388.519.949.500	308.448.738.185
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(384.521.527.365)	(425.364.156)
Vốn khác	770.234.193.045	386.138.029.836

Ngày 28 tháng 8 năm 2015

Người lập:



**Đặng Thị Hải**  
Chuyên viên kế toán

Người duyệt:



**Phạm Văn Tân**  
Kế toán trưởng



**Lê Tiến Trường**  
Tổng giám đốc



**Phụ lục 1**

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn			Giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn VND	
		Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp	Tổng tỷ lệ sở hữu	Theo mệnh giá	Giá gốc khoản đầu tư	Theo mệnh giá	Giá gốc khoản đầu tư
1	Công ty TNHH MTV Dệt 8 - 3	100%	0%	100%	173.199.296.963	173.199.296.963	-	-
2	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	100%	0%	100%	115.191.925.340	115.191.925.340	-	-
3	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	100%	0%	100%	170.470.316.062	170.470.316.062	-	-
4	Công ty CP SXKD Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	20,38%	82,01%	29.337.000.000	29.337.000.000	17.762.279.263	17.762.279.263
5	Công ty CP Sợi Phú Bài	53,85%	12,66%	66,51%	7.592.200.000	7.592.200.000	3.125.000.000	3.125.000.000
6	Công ty CP Phát Triển Hạ Tầng Dệt May Phố Mới	51,00%	0%	51,00%	40.800.000.000	40.800.000.000	-	-
7	Tổng Công ty CP Dệt May Hoà Thọ	68,21%	0%	68,21%	107.424.820.000	107.424.820.000	-	-
8	Công ty CP Len Việt Nam	67,15%	1,62%	68,77%	27.531.200.000	27.531.200.000	1.300.000.000	1.300.000.000
9	Công ty CP Sản xuất XNK Dệt May	68,34%	0%	68,34%	29.250.000.000	29.250.000.000	-	-
10	Công ty CP Dệt May Huế	65,54%	0%	65,54%	32.768.330.000	32.768.330.000	-	-
11	Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội	57,57%	7,68%	65,25%	118.026.000.000	118.026.000.000	38.169.000.000	38.169.000.000
12	Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	53,67%	0%	53,67%	72.997.000.000	72.997.000.000	-	-
13	Công ty CP Bông VN	55,00%	0%	55,00%	27.500.000.000	27.500.000.000	-	-
14	Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex	51,00%	0%	51,00%	37.275.000.000	37.275.000.000	-	-
15	Công ty CP Vinatex Hồng Lĩnh	46,50%	23,90%	70,40%	37.200.000.000	37.200.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000
16	Công ty CP Phát triển Hạ tầng Công nghiệp và Sản xuất Kinh doanh Dệt May Việt Nam	26,44%	15,41%	41,85%	45.000.000.000	45.000.000.000	46.725.200.000	46.725.200.000
17	Tổng Công ty CP Phong Phú	51,00%	0%	51,00%	374.087.960.000	374.087.960.000	616.870.000	616.870.000

**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn			Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn VND	
		Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua công ty mẹ trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty khác	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn với công ty mẹ trực tiếp	Theo mệnh giá	Theo mệnh giá	Theo mệnh giá	Giá gốc khoản đầu tư
<b>Công ty con của Công ty TNHH MTV Dệt 8 - 3</b>										
1	Công ty CP Dệt kim Vinatex	0%	60,51%	24,76%	60,51%	100%	22.992.000.000	22.992.000.000	15.008.000.000	15.008.000.000
2	Công ty CP Vinatex Quốc tế	0%	71,60%	0%	71,60%	100%	26.000.000.000	26.000.000.000	-	-
<b>Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ</b>										
3	Công ty CP Thời trang Hòa Thọ	0%	52,44%	0%	76,88%	68,21%	2.667.900.000	2.667.900.000	-	-
4	Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam	0%	21,92%	0%	32,14%	68,21%	6.428.000.000	6.428.000.000	-	-
5	Công ty May Hòa Thọ - Hội An	0%	36,95%	0%	54,18%	68,21%	4.063.500.000	4.063.500.000	-	-
6	Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên	0%	40,51%	0%	59,40%	68,21%	2.673.000.000	2.673.000.000	-	-
<b>Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội</b>										
7	Cty CP Thời trang Hanosimex	0%	40,62%	0%	65,00%	62,50%	5.850.000.000	5.850.000.000	-	-
8	Công ty CP Dệt May Hoàng Thị Loan	0%	47,44%	0%	75,90%	62,50%	25.503.100.000	25.503.100.000	-	-
9	Công ty CP Thương mại Hải Phòng Hanosimex	0%	31,92%	0%	51,07%	62,50%	5.107.000.000	5.107.000.000	-	-



**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn			Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn VND		
		Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty mẹ trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty khác	Tổng tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn với công ty mẹ trực tiếp	Theo mệnh giá	Giá gốc khoản đầu tư	Theo mệnh giá	Giá gốc khoản đầu tư
10	Công ty CP May Halotexco	0%	33,52%	13,74%	47,26%	53,64%	62,50%	1.877.500.000	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000
11	Công ty CP May Hải Phòng Hanosimex	0%	31,25%	5,88%	37,13%	50,00%	62,50%	1.250.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
12	Công ty TNHH MTV Hà Nam – Hanosimex	0%	62,50%	0%	62,50%	100%	62,50%	100.000.000.000	-	-	-
<b>Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt may Nam Định</b>											
13	Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	0%	28,19%	0%	28,19%	52,52%	53,67%	2.836.200.000	-	-	-
14	Công ty CP Chi khâu Dệt May Nam Định	0%	27,73%	1,34%	29,07%	51,67%	53,67%	1.085.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
15	Công ty SXKD Tổng hợp Dệt Nam Định	0%	44,01%	0,39%	44,40%	82,00%	53,67%	4.099.890.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
16	Công ty CP Chăn Len Nam Định	0%	47,02%	0,17%	47,19%	87,61%	53,67%	10.513.260.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
17	Công ty CP May III Dệt Nam Định	0%	43,25%	0,49%	43,74%	80,57%	53,67%	8.057.000.000	140.000.000	140.000.000	140.000.000
18	Công ty CP May IV Dệt Nam Định	0%	28,69%	1,00%	29,69%	53,46%	53,67%	2.673.000.000	140.000.000	140.000.000	140.000.000
19	Công ty CP Dệt Khăn Dệt May Nam Định	0%	46,34%	0,88%	47,22%	86,34%	53,67%	4.317.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000
20	Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	0%	48,78%	0,43%	49,21%	90,88%	53,67%	27.264.000.000	360.000.000	360.000.000	360.000.000
21	Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định	0%	47,56%	1,40%	48,96%	88,60%	53,67%	4.430.000.000	180.000.000	180.000.000	180.000.000



**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn				Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn VND	
		Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua công ty mẹ trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty khác	Tổng tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn với công ty mẹ trực tiếp	Theo mệnh giá	Theo mệnh giá	Theo mệnh giá	Giá gốc khoản đầu tư
22	Công ty CP May V Dệt May Nam Định	0%	42,22%	2,40%	44,62%	78,65%	53,67%	4.326.000.000	4.326.000.000	330.000.000	330.000.000
<b>Công ty con của Công ty CP Bông Việt Nam</b>											
23	Công ty CP Bông Tây Nguyên	0%	29,80%	0%	29,80%	54,18%	55,00%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
24	Công ty CP Bông vải miền Trung	0%	27,40%	15,86%	43,26%	49,81%	55,00%	4.550.000.000	4.550.000.000	3.250.000.000	3.250.000.000
25	Công ty CP Giồng cây trồng Nha Hồ	0%	29,72%	0%	29,72%	54,04%	55,00%	10.800.780.000	10.800.780.000	-	-
<b>Công ty con của Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex</b>											
26	Công ty CP May Nam An	0%	32,81%	0%	32,81%	64,33%	51,00%	15.440.000.000	15.440.000.000	-	-
27	Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	0%	38,25%	0%	38,25%	75,00%	51,00%	22.500.000.000	22.500.000.000	-	-
28	Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà	0%	40,80%	0%	40,80%	80,00%	51,00%	24.000.000.000	24.000.000.000	-	-
29	Công ty TNHH May Vinatex Bông Sơn	0%	51,00%	0%	51,00%	100%	51,00%	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-

**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn			Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty mẹ trực tiếp		Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn VND	
		Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua công ty mẹ trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu thông qua công ty khác	Tỷ lệ sở hữu qua công ty mẹ trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn với công ty mẹ trực tiếp	Tổng tỷ lệ sở hữu	Tổng tỷ lệ sở hữu	Theo mệnh giá	Theo mệnh giá	Giá gốc khoản đầu tư	Giá gốc khoản đầu tư
<b>Công ty con của Công ty CP Phát triển Hạ tầng và Sản xuất Kinh doanh Dệt May Việt Nam</b>												
30	Công ty CP Đầu tư Ngôi sao Gia Định	0%	20,73%	0%	50,25%	41,25%	20,73%	51.000.000.000	51.000.000.000	-	-	-
31	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vinatex	44,16%	22,69%	0%	55,00%	41,25%	22,69%	9.900.000.000	9.900.000.000	7.949.000.000	7.949.000.000	7.949.000.000
32	Công ty CP Đô thị Dệt May Nam Định	0%	14,90%	26,91%	36,12%	41,25%	14,90%	22.500.000.000	22.500.000.000	31.100.000.000	31.100.000.000	31.100.000.000
33	Công ty TNHH Quốc tế Thương mại Dệt May Việt Nam	0%	21,04%	0%	51,00%	41,25%	21,04%	7.650.000.000	7.650.000.000	-	-	-
<b>Công ty con của Tổng Công ty CP Phong Phú</b>												
34	Công ty CP Dệt Đông Nam	0%	31,10%	0%	60,99%	51,00%	31,10%	36.817.040.000	36.817.040.000	-	-	-
35	Công ty CP Dệt May Nha Trang	0%	37,53%	0%	73,59%	51,00%	37,53%	136.143.750.000	136.143.750.000	-	-	-
36	Công ty CP Đầu tư Khánh Phú	0%	25,73%	0%	50,46%	51,00%	25,73%	4.362.000.000	4.362.000.000	-	-	-
37	Công ty TNHH Phong Phú Máy thời trang	0%	39,08%	0%	76,63%	51,00%	39,08%	8.727.424.856	8.727.424.856	-	-	-
38	Công ty Thương mại và Sản xuất Phú Trà	0%	30,98%	0%	60,74%	51,00%	30,98%	23.091.000.000	23.091.000.000	-	-	-

**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn			Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn VND	
		Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty mẹ trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty khác	Tổng tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn với công ty mẹ trực tiếp	Theo mệnh giá	Giá gốc khoản đầu tư	Theo mệnh giá	Giá gốc khoản đầu tư
39	Công ty CP Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	0%	17,26%	3,49%	20,75%	33,84%	51,00%	5.977.867.573	1.800.000.000	1.800.000.000
40	Công ty May mặc Gia Phú	0%	26,01%	0%	26,01%	51,00%	51,00%	10.200.000.000	-	-
41	Công ty TNHH Linen Supply	0%	30,60%	0%	30,60%	60,00%	51,00%	19.098.000.000	-	-
42	Công ty CP Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức	0%	24,30%	4,78%	29,08%	47,64%	51,00%	144.586.200.608	35.213.899.630	35.213.899.630



**Phụ lục 3**

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ % sở hữu của Tập đoàn	Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND
<b>Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>			
1	Tổng Công Ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	50.400.000.000
2	Tổng Công Ty May Đức Giang - CTCP	36,79%	22.740.680.000
3	Công ty CP May Hưng Yên	36,28%	22.047.200.000
4	Công ty CP May Phương Đông	25,50%	9.180.000.000
5	Công ty CP May Bình Minh	25,00%	9.000.000.000
6	Công ty CP May Hữu Nghị	29,24%	14.927.200.000
7	Công ty CP May Đồng Nai	25,65%	8.642.400.000
8	Công ty HTKD Vinatex OJ	34,53%	7.339.185.000
9	Công ty CP May Chiến Thắng	24,19%	6.120.000.000
10	Công ty CP Vinatex Đà Nẵng	30,00%	6.000.000.000
11	Công ty CP May Đáp Cầu	24,04%	3.606.000.000
12	Công ty CP May Nam Định	30,00%	3.600.000.000
13	Cty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	44,00%	3.564.000.000
14	Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	23,46%	610.000.000
15	Tổng Công ty CP May Việt Tiến	47,88%	134.059.200.000
16	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	98.550.000.000
17	Tổng Công ty May 10 - CTCP	35,51%	29.593.200.000
18	Công ty CP Đầu tư Vinatex Tân tạo	27,00%	27.000.000.000
19	Công ty CP Dệt may viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	85.346.535.875
<b>Công ty liên kết của Công ty CP Sợi Phú Bài</b>			
20	Công ty CP Sợi Phú Bài 2	31,92%	3.700.000.000
<b>Công ty liên kết của Tổng công ty CP Dệt May Hoà Thọ</b>			
21	Công ty CP VTD Hiệp Đức	26,50%	3.700.000.000
<b>Công ty liên kết của Tổng Công Ty CP Dệt May Nam Định</b>			
22	Công ty CP May 1 Dệt Nam Định	22,45%	2.007.500.000

**Phụ lục 3**

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ % sở hữu của Tập đoàn	Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND
<b>Công ty liên kết của Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội</b>			
23	Công ty CP May Đông Mỹ Hanosimex	18,91%	1.159.000.000
24	Công ty CP Dệt Hà Đông Hanosimex	28,70%	5.573.180.000
<b>Công ty liên kết của Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam</b>			
25	Công ty CP May Hòa Thọ - Phú Ninh	19,50%	8.500.000.000
<b>Công ty liên kết của Tổng Công ty CP Phong Phú</b>			
26	Công ty TNHH Coats Phong Phú	18,18%	106.691.335.644
27	Công ty CP Đầu tư Phát triển Phong Phú	12,75%	46.425.000.000
28	Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị 9	10,97%	10.000.000.000
29	Công ty CP May Đà Lạt	20,40%	4.231.000.000
30	Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	17,85%	3.500.000.000
31	Công ty CP Dệt Quảng Phú	20,40%	36.000.000.000
32	Công ty CP Nhà và Phát triển Đô thị Phú Quốc	13,56%	17.700.000.000
33	Công ty CP Phát triển Phong Phú Lãng Cô	19,59%	7.299.000.000
<b>Công ty liên kết của Công ty CP Phát triển Hạ tầng Công nghiệp và Sản xuất Kinh doanh Dệt May Việt Nam</b>			
34	Công ty TNHH Đầu tư Phúc Thịnh Đức	12,99%	60.000.000.000
35	Công ty CP Ngôi nhà Huế	32,11%	6.000.000.000

**Phụ lục 4**

Các công ty liên kết của Tập đoàn không được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không trọng yếu

STT	Tên đơn vị
<b>Công ty liên kết của Công ty CP Phát triển Hạ tầng Công nghiệp và Sản xuất Kinh doanh Dệt May Việt Nam</b>	
1	Công ty CP Đầu tư Nghĩa Phú

